TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28 /2020/DS - PT
Ngày: 21-5-2020
V/v "Tranh chấp hợp đồng đặt cọc"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- T phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Mai Vương Thảo

Các Thẩm phán: Ông Trương Chí Trung

Ông Trần Hoài Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hữu –Thư ký Tòa án TAND thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Chung – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2020, tại Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 56/2019/TLPT- DS ngày 09/12/2019 về việc "*Tranh chấp hợp đồng đặt cọc"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2019/DS-ST ngày 21/10/2019 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2020/QĐXXPT- PT ngày 05 tháng 02 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2020/QĐPT-DS ngày 24/02/2020 và Thông báo mở lại phiên tòa số 14a/TB-TA ngày 27/4/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Công ty TNHH Tam Cường T**; Trụ sở: x Nguyễn Cảnh D, phường HKhánh Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trung T - sinh năm 1971; nơi cư trú: Tổ x, phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng, (*Theo Giấy ủy quyền ngày 14 tháng 11 năm 2018*), (*Có mặt*).

2. Bị đơn: **Bà Nguyễn Thị S**- sinh năm 1951; Nơi cư trú: x Nguyễn Lương B, tổ 04 (*Tổ 09 cũ*), phường HHiệp Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, (*Có mặt*).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Đức T- sinh năm 1972; nơi cư trú: Tổ x phường HHiệp Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

+ Bà Nguyễn T H- sinh năm 1979; nơi cư trú: Tổ 04 phường HHiệp Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

+ Bà Nguyễn M T - sinh năm 1982; nơi cư trú: 27 Lê Văn Hưu, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Đức T, bà Nguyễn T H và bà Nguyễn M T: Bà Nguyễn Thị S- sinh năm 1951; nơi cư trú: x Nguyễn Lương Bằng, tổ 04 (*Tổ 09 cũ*), phường HHiệp Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, (*Theo Giấy ủy quyền ngày 23 tháng 7 năm 2019*), (*Có mặt*).

+ Ông Hoàng Văn H - sinh năm 1975; nơi cư trú: x Nguyễn Cảnh D, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, (*Vắng mặt có lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 06 tháng 3 năm 2019, tại Bản tự khai ngày 10 tháng 7 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn - Công ty TNHH Tam Cường T (Viết tắt là Công ty Tam Cường T) trình bày:*

Đầu năm 2015, Công ty Tam Cường T có thỏa thuận nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Đức M và bà Nguyễn Thị S thửa đất số 08 tờ bản đồ số 20 tại tổ 09, phường HHiệp Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Ngày 26 tháng 5 năm 2015, Công ty Tam Cường T có làm giấy đặt cọc để đảm bảo việc giao kết hợp đồng chuyển nhượng đối với thửa đất trên. Ông M và bà S là chủ sử dụng đồng ý, chuyển nhượng thửa đất trên với diện tích 735 m^2 (*Ngang 15m, dài 49m*) với giá 1.500.000.000 đồng (*Một tỷ năm trăm triệu đồng*). Công ty đã đặt cọc cho ông M và bà S 02 lần. Cụ thể:

Lần 1: Vào ngày 26.5.2015: Số tiền 200.000.000 đồng thỏa thuận không mua thì mất tiền cọc và không bán thì sẽ đền 700.000.000 đồng.

Lần 2: Vào ngày 07.8.2015: Số tiền 300.000.000 đồng thỏa thuận nếu không bán thì đền gấp đôi.

Sau đó, do ông M, bà S chưa hoàn tất được giấy tờ thửa đất nên chưa thể ra công chứng hoàn tất thủ tục chuyển nhượng, Công ty đã nhiều lần làm việc với bà S và cũng chấp nhận kéo dài thời gian để gia đình bà S hoàn tất thủ tục cấp giấy chứng nhận cho thửa đất, đủ điều kiện ra công chứng làm hợp đồng chuyển nhượng. Tuy nhiên, đến nay thửa đất trên vẫn chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên chưa tiến hành thủ tục chuyển nhượng được. Vì vậy, Công ty Tam Cường T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị S thanh toán số tiền đặt cọc và bồi thường tổng cộng là 1.800.000.000 đồng (*Một tỷ tám*

trăm triệu đồng); gồm: tiền đặt cọc 500.000.000 đồng và tiền bồi thường 1.300.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Trung T - người đại diện của Công ty Tam Cường T trình bày:

Do ông M đã chết nên Công ty yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Svà các con là ông Nguyễn Đức T , bà Nguyễn T H và bà Nguyễn M T phải thanh toán số tiền đặt cọc và bồi thường tổng cộng là 1.800.000.000 đồng.

** Tại Đơn trình bày ngày 10 tháng 6 năm 2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị S- là bị đơn, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Ông Nguyễn Đức T, bà Nguyễn T H và bà Nguyễn M T) trình bày:*

Bà và chồng bà là ông Nguyễn Văn M có thỏa thuận chuyển nhượng cho ông Hoàng Văn H (*Là người trực tiếp đến gặp vợ chồng bà để thỏa thuận*) thửa đất số 08 tờ bản đồ số 20 tại tổ 09, phường H Hiệp Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng với diện tích 735 m^2 (*Ngang 15m, dài 49m*) với giá 1.500.000.000 đồng (*Một tỷ năm trăm triệu đồng*). Vợ chồng bà có có ký vào Giấy đặt cọc ngày 26 tháng 5 năm 2015 do Công ty Tam Cường T nộp kèm theo đơn khởi kiện, nhưng do không đọc kỹ nội dung nên không biết người mua là Công ty Tam Cường T. Theo thỏa thuận, ông Hoàng Văn H sẽ chịu trách nhiệm tiến hành hoàn tất các thủ tục giấy tờ pháp lý, sau đó sẽ đi công chứng. Bà được biết, ông H có đi nộp hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (*Thay mặt vợ chồng bà*) nhưng không làm được vì lý do nội dung niêm yết không đủ diện tích đất thực tế gia đình sử dụng nên đến tháng 6 năm 2016, hồ sơ bị trả lại. Đến tháng 7 năm 2016, bà đã tiến hành nộp lại hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng đến nay vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ông Nguyễn Đức M đã chết vào ngày 06 tháng 7 năm 2017. Bà và ông M có ba người con là ông Nguyễn Đức T, bà Nguyễn T H và bà Nguyễn M T. Nay, Công ty Tam Cường T yêu cầu phải trả số tiền đặt cọc và bồi thường tổng cộng là 1.800.000.000 đồng thì bà và các con không đồng ý, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Tại Văn bản ý kiến đề ngày 31 tháng 7 năm 2019, ông Hoàng Văn H- Là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Vợ ông là quản lý tại Công ty Tam Cường T. Do Công ty có nhu cầu làm văn phòng và nhà xưởng nên ông đã tìm hiểu giúp. Ông Nguyễn Đức M và bà Nguyễn Thị S đã đồng ý chuyển nhượng cho Công ty thửa đất số 08 tờ bản đồ số 20 tại tổ 09, phường HHiệp Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng diện tích 735 m^2 (*Ngang 15m, dài 49m*) với giá 1.500.000.000 đồng (*Một tỷ năm trăm triệu đồng*). Sau đó, ông có giúp Công ty giao tiền đặt cọc cho ông M và bà

S02 lần (*Lần 1: 200.000.000 đồng và lần 2: 300.000.000 đồng*) và hai bên ký vào Giấy đặt cọc. Sau đó, do ông M và bà S chưa hoàn tất giấy tờ thửa đất nên hai bên chưa thể hoàn thành thủ tục chuyển nhượng đối với thửa đất.

Với nội dung trên, án sơ thẩm đã xử và quyết định:

Áp dụng các điều 167, 168 Luật Đất đai; các điều 122, 123, 131 và 688 Bộ luật Dân sự; Án lệ số 25/2018/AL của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Tam Cường T đối với bà Nguyễn Thị S, ông Nguyễn Đức T, bà Nguyễn T H và bà Nguyễn M T về việc "Tranh chấp hợp đồng đặt cọc".

Tuyên bố giao dịch đặt cọc tại Giấy đặt cọc ngày 20 tháng 5 năm 2015 giữa ông Nguyễn Đức M, bà Nguyễn Thị S và Công ty TNHH Tam Cường T vô hiệu.

Xử: Buộc bà Nguyễn Thị S, ông Nguyễn Đức T, bà Nguyễn T H và bà Nguyễn M T trả cho Công ty TNHH Tam Cường T số tiền 500.000.000đ (*Năm trăm triệu đồng*).

2. Không chấp nhận yêu cầu của Công ty TNHH Tam Cường T về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị S, ông Nguyễn Đức T, bà Nguyễn T H và bà Nguyễn M T bồi thường số tiền 1.300.000.000 đồng (*Một tỷ ba trăm triệu đồng*).

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Trong thời hạn luật định, ngày 04 tháng 11 năm 2019 Công ty Tam Cường T kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm buộc bị đơn bồi thường phạt cọc theo thỏa thuận cho Công ty là 1.300.000.000đ. Trường hợp không chấp nhận yêu cầu bồi thường phạt cọc thì đề nghị Tòa án buộc bị đơn bồi thường phần lãi suất trên số tiền đã nhận cọc từ tháng 11/2016 theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố.

Ngày 24 tháng 11 năm 2019, bị đơn bà Nguyễn Thị S kháng cáo với nội dung: Bà không đồng ý trả lại tiền cho Công ty Tam Cường T vì, ông Hoàng Văn H là người trực tiếp đặt cọc và thỏa thuận mua đất của vợ chồng bà, vợ chồng bà không giao dịch với Công ty Tam Cường T, ông H là người vi phạm thỏa thuận, hiện nay gia đình bà vẫn đang xin cấp giấy chứng nhận quyền sử đất và quyền sở hữu nhà ở, khi hoàn tất giấy tờ gia đình bà vẫn ưu tiên bán cho Công ty nhưng bán với giá thị trường theo thời điểm hiện tại.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH Tam Cường T; không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị S; miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, án phí dân sự phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị S và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên

quan. Áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm về phần án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn H có đơn xin xử vắng mặt, do đó, căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu kháng cáo của Công ty Tam Cường T:

Tại thời điểm ông Nguyễn Đức M, bà Nguyễn Thị Svà Công ty Tam Cường T ký Giấy đặt cọc ngày 26/5/2015 về việc chuyển lô đất tại thửa đất số 08, tờ bản đồ số 20, diện tích 735 m^2 tại địa chỉ: Tổ 09, Xuân Thiều, phường H Hiệp Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, và cho đến nay ông M, bà S vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với lô đất nói trên. Việc thỏa thuận chuyển nhượng đất giữa ông M, bà S với Công ty Tam Cường T là trái với quy đinh tại Điều 168 Luật đất đai, do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 123 Bộ luật Dân sự giao dịch chuyển nhượng đất giữa ông M, bà S và Công ty Tam Cường T vô hiệu.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của Công ty Tam Cường T xác nhận tại thời điểm ký Giấy đặt cọc, Công ty Tam Cường T biết rõ thửa đất chưa được cấp giấy chứng nhận nhưng vẫn đồng ý nhận chuyển nhượng đất. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét trách nhiệm bồi thường phạt cọc là có căn cứ.

Đối với đề nghị Tòa án buộc bị đơn bồi thường phần lãi suất trên số tiền đã nhận cọc từ tháng 11/2016 theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố trong trường hợp Tòa án không chấp nhận yêu cầu bồi thường phạt cọc của Công Ty Tam Cường T thì thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, Công ty Tam Cường T chỉ yêu cầu phạt cọc, không đề cập đến yêu cầu này nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không có cơ sở để xem xét.

[2.2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị S:

Tại Văn bản ý kiến ngày 31/7/2019 thể hiện, ông Nguyễn Văn H xác nhận ông là người trực tiếp giao số tiền đặt cọc 500.000.000đ cho ông Nguyễn Đức M, bà Nguyễn Thị S, tuy nhiên, Ông chỉ là người giúp Công ty Tam Cường T là người có nhu cầu mua đất giao số tiền cọc cho ông M, bà S nên Công ty Tam Cường T và ông Nguyễn Đức M, bà Nguyễn Thị S cùng ký vào Giấy đặt cọc

ngày 26/5/2015 về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 08, tờ bản đồ số 20, diện tích 735m^2 tại Tổ 09, Xuân Thiều, phường H Hiệp Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng chứ không phải ông ký; việc giao dịch hai bên hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc ai.

Quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa hôm nay, bà Nguyễn Thị S xác nhận thửa đất số 08, tờ bản đồ số 20, diện tích 735m^2 tại Tổ 09 Xuân Thiều, phường HHiệp Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng mà vợ chồng Bà thỏa thuận chuyển nhượng cho Công ty Tam Cường T, mặc dù vợ chồng bà đã nộp hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận nhưng đến nay vẫn chưa được cấp. Theo quy định tại khoản 1 Điều 168 Luật đất đai thì "Người sử dụng đất được thực hiện các quyền chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, tặng cho, thế chấp, góp vốn quyền sử dụng đất khi có Giấy chứng nhận…", như vậy, việc thỏa thuận chuyển nhượng đất giữa vợ chồng bà Nguyễn Thị S, ông Nguyễn Đức M và Công ty Tam Cường T là trái pháp luật. Do đó, giao dịch giữa ông Nguyễn Đức M, bà Nguyễn Thị S và Công ty Tam Cường T là vô hiệu do vi phạm điều cấm của luật được quy định tại Điều 123 Bộ luật dân sự.

Tại phiên tòa, bà S xác dịnh trong mọi trường hợp Bà vẫn trả lại tiền cọc 500.000.000đ đã nhận, nhưng bà xin trả dần mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi nào bán được đất thì trả dứt điểm nhưng không được nguyên đơn đồng ý.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH Tam Cường T, không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị S, như đề nghị của đại diện Việm kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng.

[3] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm Công ty TNHH Tam Cường T phải chịu là 51.000.000đ (Năm mươi mốt triệu đồng). Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 33.000.000đ (Ba mươi ba triệu đồng) đã nộp tại biên lai thu số 0006034 ngày 06 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, Công ty TNHH Tam Cường T còn phải tiếp tục nộp 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng).

- Án phí phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo nên Công ty Tam Cường T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ được khấu trừ vào biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004035 ngày 13 tháng 11 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

Đối với bà Nguyễn Thị S, tại cấp phúc thẩm bà Nguyễn Thị S có đơn xin miễn án phí với lý do hoàn cảnh khó khăn và là người cao tuổi có chính quyền địa phương xác nhận. Căn cứ theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị

quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, án phí dân sự phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị S và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 167,168 Luật đất đai;

Căn cứ Điều 122, 123, 131 và 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH Tam Cường T; Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị S; Chấp nhận đơn xin miễn án phí của bà Nguyễn Thị S.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2019/DS-ST ngày 21/10/2019 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng về phần án phí.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Tam Cường T đối với bà Nguyễn Thị S, ông Nguyễn Đức T, bà Nguyễn T H và bà Nguyễn M T về việc "Tranh chấp hợp đồng đặt cọc".

Tuyên bố giao dịch đặt cọc tại Giấy đặt cọc ngày 20 tháng 5 năm 2015 giữa ông Nguyễn Đức M, bà Nguyễn Thị S và Công ty TNHH Tam Cường T vô hiệu.

Buộc bà Nguyễn Thị S, ông Nguyễn Đức T, bà Nguyễn T H và bà Nguyễn M T trả cho Công ty TNHH Tam Cường T số tiền 500.000.000đ (*Năm trăm triệu đồng*).

2. Không chấp nhận yêu cầu của Công ty TNHH Tam Cường T về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị S, ông Nguyễn Đức T, bà Nguyễn T H và bà Nguyễn M T bồi thường phạt cọc số tiền 1.300.000.000 đồng (*Một tỷ ba trăm triệu đồng*).

3. Về án phí:

+ Án phí sơ thẩm: Công ty TNHH Tam Cường T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 51.000.000đ (Năm mươi mốt triệu đồng). Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 33.000.000đ (Ba mươi ba triệu đồng) đã nộp tại biên lai thu số 0006034 ngày 06 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận

Liên Chiểu, Công ty TNHH Tam Cường T còn phải tiếp tục nộp 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng).

+ Án phí phúc thẩm 300.000đ Công ty TNHH Tam Cường T phải chịu được khấu trừ vào biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004035 ngày 13 tháng 11 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

+ Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, án phí dân sự phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị S, ông Nguyễn Đức T, bà Nguyễn T H và bà Nguyễn M T.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị S 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại biên lai thu số 0004028 ngày 06/11/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND quận Liên Chiểu;
- VKSND TP Đà Nẵng;
- Cơ quan THADS quận Liên Chiểu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Vương Thảo